

Bản án số: **01/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-01-2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Đăng Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hồ Hải Hùng**

Ông **Nguyễn Lớn**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Oai** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Mỹ Ngân** - Kiểm sát viên

Ngày 10/01/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 397/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Oanh N** – Sinh năm: 1984

Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Lê Bảo S** – Sinh năm: 1975

Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Oanh N trình bày: Bà và ông Lê Bảo S kết hôn năm 2005 tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian chung sống với nhau, giữa bà và ông S xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, ông S thường xuyên xúc phạm danh dự đối với bà. Từ tháng 8/2013 cho đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, tình cảm của bà dành cho ông S không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông S. Về con chung: Bà và ông S có 02 con chung là cháu Lê Bảo Hiếu N, sinh ngày: 07/11/2004; cháu

Lê Bảo Hiếu T, sinh ngày: 08/11/2011. Nguyên vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Lê Bảo S đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được.

* Ý kiến của Kiểm sát viên: Trong quá trình tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: bà Võ Thị Oanh N và ông Lê Bảo S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông S là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông S không đến Tòa để giải quyết vụ án chứng tỏ ông S không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật để tiến hành xét xử vắng mặt ông S. Do vậy, căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Oanh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Bảo S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2, Điều 227; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Võ Thị Oanh N và ông Lê Bảo S tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng bà N, ông S không có hạnh phúc, thường xuyên kinh cãi, mâu thuẫn kéo dài. Lý do ông S không chăm lo cho gia đình và hay xúc phạm đến danh dự của bà. Vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 8/2013 cho đến nay không quan tâm gì đến vợ con, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt nên bà không thể hàn gắn tình cảm để đoàn tụ gia đình. Hiện nay, bà N và ông S mỗi người sống mỗi nơi không ai quan tâm đến ai. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông không có mặt, chứng tỏ ông S không có thiện chí muốn hàn gắn gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp và thỏa đáng.

[3] Về con chung: Bà N và ông S có 02 con chung là cháu Lê Bảo Hiếu N, sinh ngày: 07/11/2004; cháu Lê Bảo Hiếu T, sinh ngày: 08/11/2011. Nguyên vọng bà được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng các cháu hiện còn nhỏ nên cần có sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Hiện tại, bà N có công việc làm và thu nhập ổn định, nguyên vọng các cháu cũng muốn ở với bà nên tiếp tục giao hai con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 207; Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1 Bà Võ Thị Oanh N được ly hôn với ông Lê Bảo S.

1.2 Về con chung: Giao cháu Lê Bảo Hiếu N, sinh ngày: 07/11/2004 và cháu Lê Bảo Hiếu T, sinh ngày: 08/11/2011 cho bà N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Oanh N phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0008858 ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà N đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Thẩm Phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hữu Đăng Thanh

**Nơi nhận :
THẨM**

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã X. Đông, H.Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
GCNKH Số: 13; Quyền số:001/2005;
- Những người TGTT
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN HỮU ĐĂNG THANH